

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2020/HNGĐ-ST

Ngày 04 tháng 9 năm 2020

V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

* **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông: Nguyễn Ánh Dương

* **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Đào Xuân Hải.

2. Ông Trần Văn Thiện.

* **Thư ký phiên tòa:** Bà Vi Thị Lan Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.

* **Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 188/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27/8/2020, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1977 (Có mặt)

Cư trú: Thôn B, xã N, huyện T, tỉnh B;

* Bị đơn: Chị Hoàng Thị Quế A, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn B, xã N, huyện T, tỉnh B.

Địa chỉ tạm thời: Công ty TNHH Xây dựng Thương mại T- T6/89M, tổ 6, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 09/7/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Trần Văn H trình bày:

Anh và chị Hoàng Thị Quế A kết hôn ngày 10/4/2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh B. Trước khi kết hôn vợ chồng anh được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và tổ chức cưới hỏi theo phong tục. Sau khi kết hôn, anh và chị Quế A về chung sống với nhau tại gia đình anh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 7/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng

quan điểm sống, chị Quế A không lo kinh tế gia đình. Vợ chồng anh đã ly thân từ tháng 8/2018 đến nay, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Yên giải quyết cho anh được ly hôn chị Hoàng Thị Quế A.

Về con chung: Anh và chị Quế A không có con chung, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh H có mặt và giữ nguyên yêu cầu ly hôn chị Quế A.

* Tại Bản tự khai ngày 15/7/2020, bị đơn là chị Hoàng Thị Quế A trình bày:

Chị và anh Trần Văn H kết hôn tháng 4/2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh B. Trước khi kết hôn, anh H có hứa sẽ chăm sóc chị và con riêng của chị trọn đời. Sau khi kết hôn và chung sống với anh H khoảng 3 tháng, đến tháng 7/2018 chị gửi con riêng cho bà ngoại chăm sóc và cùng anh H vào Sài Gòn làm kinh tế. Tại đây vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn trong việc làm ăn kinh tế và do anh H bảo chị trả con riêng của chị cho chồng cũ chăm sóc. Vợ chồng chị ly thân từ đó đến nay.

Nay chị xác định không muốn chung sống với anh H nữa, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tân Yên giải quyết cho chị và anh H ly hôn.

Về con chung: Chị và anh H không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Hoàng Thị Quế A vắng mặt.

Tại biên bản xác minh ngày 06/8/2020 đối với ông Nguyễn Văn L - Trưởng thôn B, xã N cho biết: Anh Trần Văn H và chị Hoàng Thị Quế A đều có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Bằng Cục, xã Ngọc Châu. Anh H kết hôn với chị Quế A năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc Châu. Sau khi kết hôn, chị Quế A về chung sống với anh H ngay, vợ chồng ở chung tại thôn Bằng Cục khoảng 01 tháng thì vào miền Nam làm ăn, sau đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên đã ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay. Nay anh H xin ly hôn, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo pháp luật. Vợ chồng anh H, chị Quế A không có con chung.

Tại biên bản xác minh ngày 06/8/2020 đối với bà Tăng Thị Hồng - Chi hội trưởng Chi hội phụ nữ thôn B, xã N cho biết: Đầu năm 2018, anh Trần Văn H kết hôn với chị Hoàng Thị Quế A, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N và được gia đình tổ chức cưới theo phong tục. Sau khi kết hôn, anh H và chị Quế A có chung sống tại thôn Bằng Cục một thời gian ngắn rồi vào miền Nam làm ăn. Do vợ chồng anh H, chị Quế A xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nên đã ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay. Nay anh H xin ly hôn, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo pháp luật. Vợ chồng anh H, chị Quế A không có con chung.

Tại biên bản xác minh ngày 06/8/2020 đối với ông Trần Đình Lượng là bố đẻ anh H thì được biết: Anh H kết hôn với chị Quế A vào tháng 4/2018 trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi kết hôn, chị Quế

A về gia đình ông làm dâu khoảng 01 tháng rồi cùng anh H vào miền Nam làm ăn. Tháng 7/2018, vợ chồng anh H phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong chuyện làm ăn kinh tế, vợ chồng đã ly thân từ tháng 8/2018 đến nay. Nay anh H xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho anh H, chị Quế A. Anh H và chị Quế A không có con chung.

Tại biên bản xác minh ngày 03/9/2020, Công an xã , huyện Tcung cấp: Chị Hoàng Thị Quế A có hộ khẩu thường trú tại: Thôn B, xã N, huyện T, tỉnh B. Chị Anh không đăng ký tạm vắng tại địa phương.

Toà án đã mở phiên hoà giải để hoà giải về quan hệ vợ chồng, tài sản, công nợ, án phí nhưng chị Quế A vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Các đương sự không có chứng cứ gì khác giao nộp cho Toà án và cũng không có yêu cầu hoặc đề nghị gì khác.

Sau phần tranh luận, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Chị Anh chưa chấp hành quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn H được ly hôn với chị Hoàng Thị Quế A.
- Về con chung: Anh Trần Văn H, chị Quế A không có con chung nên không xem xét, giải quyết.
- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp, ruộng canh tác: không xem xét, giải quyết.
- Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Trần Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần 2 đối với chị Hoàng Thị Quế A nhưng vắng mặt. Nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

Tại biên bản xác minh ngày 03/9/2020, Công an xã , huyện T cung cấp: Chị Hoàng Thị Quế A có hộ khẩu thường trú tại: Thôn B, xã N, huyện T, tỉnh B. Chị Anh không đăng ký tạm vắng tại địa phương.

Địa chỉ nơi ở tạm thời mà chị Anh cung cấp là: Công ty TNHH Xây dựng Thương mại T– T6/89M, tổ 6, khu phố B, phường Thuận Giao, thành phố T, tỉnh B.

Như vậy, hiện hộ khẩu thường trú của chị Anh vẫn tại Thôn B, xã N, huyện T, tỉnh B và không đăng ký tạm vắng nên Tòa án huyện T thụ lý là đúng thẩm quyền theo điểm a khoản 01 Điều 35; điểm a khoản 01 Điều 39 BLTTDS. Tòa án tổng đạt theo địa chỉ nơi ở tạm thời trên là hợp lệ và phù hợp khoản 01 Điều 177 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa anh Trần Văn H và chị Hoàng Thị Quế A xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh B, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ, chồng và được coi là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, anh chị có thời gian chung sống hạnh phúc đến tháng 7/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi chửi nhau. Vợ chồng đã ly thân thời gian dài, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mặc dù bản thân và gia đình đã tích cực hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không được. Vì vậy, xét mâu thuẫn giữa anh Trần Văn H, chị Quế A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu cho anh Trần Văn H được ly hôn chị Hoàng Thị Quế A là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Trần Văn H và chị Hoàng Thị Quế A chưa có con chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết..

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, ruộng canh tác: Anh Trần Văn H, chị Hoàng Thị Quế A không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết..

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Văn H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 01 Điều 35; điểm a khoản 01 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Khoản 01 Điều 177; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn H được ly hôn chị Hoàng Thị Quế A.
2. Về con chung: Anh Trần Văn H và chị Hoàng Thị Quế A chưa có con chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.
3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác: Không đặt ra xem xét, giải quyết.
4. Về án phí: Anh Trần Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2018/0006414 ngày 09/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang; Anh Trần Văn H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS Tân Yên;
- UBND thị trấn C;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ánh Dương